

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Các Thứ trưởng Bộ NN&MT;
- Đảng ủy Bộ NN&MT;
- Website Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, KHTC.D.

BỘ TRƯỞNG**Trần Đức Thắng**

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
 CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 01 năm 2026
 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) ban hành Chương trình hành động với những nội dung chủ yếu như sau:

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2026 là năm thứ tư thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn¹; năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, đất nước bước vào Kỷ nguyên “Vươn mình, thịnh vượng, giàu mạnh của dân tộc” và là năm đầu tiên triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030, phấn đấu tăng trưởng 2 con số, trong điều kiện chính quyền địa phương 2 cấp năng động, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, gần dân; toàn ngành NN&MT tập trung triển khai quyết liệt các kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch cơ cấu lại ngành, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, xây dựng nông thôn mới hiện đại, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Năm 2026 được dự báo với những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và của ngành Nông nghiệp và Môi trường vẫn là yêu cầu cấp thiết để củng cố niềm tin, tạo động lực mới cho doanh nghiệp, doanh nhân. Điều này đòi hỏi sự tiếp tục vào cuộc mạnh mẽ, thực chất và quyết liệt của các cơ quan, đơn vị; xác định cải cách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, cần ưu tiên tập trung để tháo gỡ khó khăn, loại bỏ các rào cản, khơi thông các điểm nghẽn về thể chế và thực thi, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, bình đẳng để cùng phát triển cho tất cả các thành phần kinh tế.

¹ Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022.

II. CHỦ ĐỀ, QUAN ĐIỂM, TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quyết liệt, chủ động, linh hoạt, sáng tạo, thống nhất trong điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương; sự tin tưởng, đồng tình, ủng hộ, chia sẻ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; sự quan tâm, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, Bộ NN&MT lãnh đạo, chỉ đạo toàn ngành NN&MT bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của: **(1)** Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, phát huy sức mạnh đoàn kết, tinh thần đổi mới, không ngừng nỗ lực sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tự tin, tự lực, tự cường, tự chủ chiến lược, “xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái”, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt theo chủ đề **“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động hiệu quả; đổi mới sáng tạo; tăng tốc đột phá; tăng trưởng bền vững”** và **(2)** Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, tạo ra sự khác biệt rõ rệt và nhất quán, phù hợp với xu thế phát triển mới với phương châm **“thể chế thông thoáng, hạ tầng thông suốt, quản trị thông minh, cách làm thông dụng”** với các quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành sau:

1. Quán triệt và thực hiện nghiêm các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, với tinh thần “Đảng đã chỉ đạo, Chính phủ đã thống nhất, Quốc hội đồng tình, Nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi, bạn bè giúp đỡ thì chỉ bàn làm, không bàn lùi”.

2. Giữ đà, giữ nhịp và tăng tốc, bứt phá; bám sát thực tiễn, nhận diện và phát huy hiệu quả mọi cơ hội, thuận lợi; kịp thời ứng phó với những vấn đề phát sinh.

3. Đổi mới căn bản tư duy phát triển, phương thức quản trị và phân bổ nguồn lực; giải quyết hiệu quả các vấn đề trước mắt để tạo đà tăng trưởng, thực hiện các cải cách chiến lược, dài hạn để chuyển đổi mô hình phát triển, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính. Phát triển các thành phần kinh tế, kết hợp hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.

4. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tiếp tục đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước gắn với phân cấp, phân quyền; tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

5. Phát triển kinh tế, xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên.

6. Chuyển đổi tư duy trong công tác xây dựng pháp luật từ “quản lý” sang “kiến tạo, phát triển”, lấy người dân, doanh nghiệp là đối tượng phục vụ; nâng cao chất lượng xây dựng, tham mưu, ban hành văn bản pháp luật, sửa đổi đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để tháo gỡ triệt để các “điểm nghẽn”, khuyến khích doanh nghiệp phát triển trong các lĩnh vực ưu tiên, bảo đảm nguyên tắc doanh nghiệp được làm những gì luật pháp không cấm, khuyến khích và bảo vệ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, minh bạch và bảo vệ quyền kinh doanh, quyền tài sản của doanh nghiệp. Mạnh dạn đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách đột

phá nhằm khơi thông mọi nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển các doanh nghiệp Việt Nam, đưa thể chế từ “điểm nghẽn của điểm nghẽn” thành “lợi thế cạnh tranh quốc gia” và động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước.

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để gắn liền với cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Tăng cường công khai, minh bạch, nâng cao tính tự chủ và đề cao trách nhiệm giải trình nhằm phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đặc biệt, chuyển mạnh mẽ từ tư duy “quản lý” sang “kiến tạo và phục vụ”, thay thế phương thức “tiền kiểm” bằng “hậu kiểm” dựa trên hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn rõ ràng. Đồng thời bảo đảm phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành và trong từng cơ quan, đơn vị theo tiêu chí “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền, nhằm đạt được mục tiêu “3 dễ”: dễ triển khai thực hiện, dễ kiểm tra và dễ đánh giá.

8. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả, thực chất trên tinh thần “3 có” và “2 không”².

9. Kết nối và huy động một cách tích cực sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và chuyên gia trong đóng góp ý tưởng, sáng kiến nhằm hoạch định, thực thi, đánh giá độc lập, khách quan đối với kết quả cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh.

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2026

Để phát huy hiệu quả quản lý, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu cho phát triển đất nước, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn 2026-2030, Bộ NN&MT yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nâng cao tinh thần trách nhiệm, tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2026 ngành NN&MT như sau:

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

1.1.1. Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, trách nhiệm theo hướng “**Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh**”. Phát triển sản xuất nông lâm thủy sản hàng hóa tích hợp đa giá trị, dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp; tạo việc làm phi nông nghiệp để phát triển

² trong đó “3 có”: có lợi ích của Nhà nước, có lợi ích của người dân, có lợi ích của doanh nghiệp và “2 không”: không tham nhũng, tiêu cực; không để thất thoát, lãng phí tài sản, công sức, tiền bạc của Nhà nước và của Nhân dân

sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

1.1.2. Phát huy tối đa hiệu quả của các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế xã hội, phát triển Ngành; sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Kiểm soát mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học; bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng hệ sinh thái; bảo tồn, sử dụng bền vững đất ngập nước, bảo vệ các vùng đất ngập nước quan trọng, từng bước xây dựng nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; đẩy mạnh chuyên môn căn bản trong khai thác, quản lý, sử dụng tài nguyên, đất đai, khoáng sản theo hướng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả và bền vững.

1.1.3. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh phù hợp với bối cảnh trong nước và xu thế phát triển nhằm nâng cao vị thế của nước ta trên các bảng xếp hạng quốc tế. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh cạnh tranh lành mạnh bảo đảm công khai, minh bạch, ổn định, giảm chi phí tuân thủ, phù hợp với thông lệ quốc tế, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển, cụ thể là:

- Tập trung hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp đã được giao tại các văn bản, Nghị quyết đột phá của Đảng và Nhà nước trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước, đổi mới xây dựng, thi hành pháp luật và hội nhập quốc tế trong tình hình mới:

- + Phân đầu trong năm 2026, thứ hạng năng lực cạnh tranh theo khung đánh giá của quốc tế: Quyền tài sản (IPRI) của Liên minh Quyền tài sản (PRA) tăng ít nhất 3 bậc so với kỳ xếp hạng trước.

- + Cải thiện các chỉ số phản ánh cảm nhận của người dân, doanh nghiệp đối với hoạt động của chính quyền các cấp liên quan đến môi trường đầu tư kinh doanh trong nước: (i) Chỉ số cải cách hành chính (PAR index): Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ bình quân của cả nước đạt 84,7%; (ii) Chỉ số sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS): Giá trị trung bình cả nước đạt 86%.

- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh nhằm tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp gia nhập thị trường và tái gia nhập thị trường; giảm tỷ lệ doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (tạm ngừng hoạt động hoặc phá sản, giải thể).

1.2. Mục tiêu cụ thể: Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu sau: **(1)** Tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành 3,7%; **(2)** Tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản 73-74 tỷ USD; **(3)** Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều 1-1,5%; **(4)** Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới, tối thiểu 15%; **(5)** Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn (95%); **(6)** Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn

(62%); **(7)** Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số (3%); **(8)** Tỷ lệ hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến (100%); **(9)** Hồ chứa thủy điện, thủy lợi được xác định và công bố dòng chảy tối thiểu sau đập (khoảng 700 công trình); **(10)** Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định (42,02%); **(11)** Cả nước có 16.000 (chiếm 67.7%) HTX nông nghiệp xếp loại khá, tốt trên tổng số 23.600 HTX nông nghiệp.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện năm 2026

2.1. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

2.1.1. Tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

a) Thể chế hoá kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, kết luận, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội. Bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án luật thuộc Chương trình lập pháp năm 2026 (Luật Đất đai (sửa đổi); Luật sửa đổi một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (thay thế)). Tăng cường hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, hoàn thiện cơ chế thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Đẩy mạnh công tác hướng dẫn thực hiện pháp luật, công tác truyền thông về chính sách, pháp luật.

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 và Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. Năm 2026, cắt giảm, đơn giản hóa 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư; cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024. Cắt giảm thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu số, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại giấy tờ đã được số hóa; không đề phát sinh mới thủ tục, quy định kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới không phù hợp, thiếu tính khả thi.

b) Tăng cường hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; chú trọng giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật. Khắc phục triệt để tình trạng chậm, nợ các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết.

2.1.2. Tiếp tục hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy hành chính; tăng cường phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát

quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi của bộ máy trong điều kiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ

a) Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của bộ máy mới, bảo đảm sự thông suốt trong điều hành từ Trung ương đến cơ sở; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; phân cấp, phân quyền tối đa gắn với phân bổ nguồn lực và trách nhiệm giải trình, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường kiểm tra, giám sát; ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đo bằng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

b) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; chấm dứt tình trạng né tránh, sợ trách nhiệm. Có cơ chế, chính sách đột phá xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức vững chắc về tư tưởng chính trị, chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm; có cơ chế, chính sách tạo động lực, bảo vệ cán bộ, công chức làm việc, cống hiến, vì lợi ích chung.

c) Thực hiện nghiêm Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.

d) Thực hiện hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, không để phát sinh thành “điểm nóng”.

2.1.3. Chuyển đổi căn bản mô hình tăng trưởng dựa vào năng suất và đổi mới sáng tạo mới; đặt nâng cao năng suất, chất lượng nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào trung tâm của chiến lược phát triển; cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng xanh, số, tuần hoàn, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, sức chống chịu của nền kinh tế

a) Cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ: Về nông nghiệp, phát triển nhanh, bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển sản xuất nông lâm thủy sản hàng hóa tích hợp đa giá trị, dựa trên lợi thế địa phương, hiện đại, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp, phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững.

b) Thúc đẩy, tạo đột phá cho các động lực tăng trưởng mới. Phát triển nông nghiệp sinh thái, hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm gắn với môi

trường bền vững; thực hiện tích hợp đa giá trị theo hướng giữ vững an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; chú trọng phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển các hình thức hợp tác mới trong nông nghiệp. Tổ chức lại sản xuất theo vùng chuyên canh, gắn với chỉ dẫn địa lý, truy suất nguồn gốc và xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi... đáp ứng yêu cầu thị trường; thực hiện chuyển đổi hệ thống lương thực, thực phẩm theo hướng “xanh”, ít phát thải và bền vững thông qua việc thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh nuôi biển và khai thác hải sản bền vững; tập trung giải quyết dứt điểm khuyến nghị của EC để gỡ “Thẻ vàng”, ngăn chặn và xử lý nghiêm túc cá khai thác trái phép ở ngoài vùng biển Việt Nam.

c) Khai thác hiệu quả các không gian phát triển mới như kinh tế biển, kinh tế đại dương xanh, kinh tế không gian (trên không và dưới lòng đất)...

d) Phát triển mạnh thị trường trong nước; tổ chức các hội chợ quy mô lớn về thương mại nông nghiệp... Theo dõi sát tình hình thị trường, thực hiện các biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, nhất là hàng hóa thiết yếu và trong các dịp cao điểm Lễ, Tết, bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng. Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Thực hiện tốt công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ thương mại, đảm bảo phù hợp với cam kết quốc tế. Phối hợp tổ chức tốt Hội chợ Mùa Xuân vào tháng 01 năm 2026.

đ) Chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tranh thủ các FTAs mở cửa thị trường, mở rộng, đa dạng hoá chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất và thị trường xuất, nhập khẩu gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu, rộng hơn vào các chuỗi cung ứng nông sản khu vực, toàn cầu.

e) Theo dõi sát tình hình, chủ động tiếp cận, phân tích, đánh giá sự điều chỉnh trong chính sách thương mại của các nước lớn, kịp thời tham mưu, đề xuất các ứng xử phù hợp, thúc đẩy thương mại và xuất khẩu; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp chuyển đổi thị trường, sản xuất kinh doanh, cơ cấu lại chuỗi cung ứng, sản xuất theo hướng tự chủ, bền vững và nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh.

g) Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2026, đặc biệt là các dự án quan trọng, các công trình trọng điểm và các chương trình mục tiêu quốc gia. Bảo đảm tiến độ thực hiện dự án và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, tránh thất thoát, lãng phí.

h) Quyết liệt chỉ đạo, xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng, kéo dài; thực hiện hiệu quả Kết luận số 77-KL/TW ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 265/2025/QH15 của Quốc hội để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án.

2.1.4. Tập trung đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng chiến lược hiện đại, đồng bộ, tạo nền tảng cho năng lực cạnh tranh quốc gia, nhất là các công trình giao thông trọng điểm, hệ thống giao thông trục quốc gia, đường sắt, sân bay quốc tế, cảng biển, năng lượng; thúc đẩy các dự án có tính liên vùng, hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyển đổi số; điều chỉnh quy hoạch phù hợp với bối cảnh mới

a) Xây dựng và chuẩn bị tốt các công trình, dự án để triển khai ngay Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 sau khi được thông qua.

b) Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công, tập trung bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án hạ tầng chiến lược, quan trọng quốc gia, có tính liên vùng, liên quốc gia, quốc tế.

c) Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án; triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án.

d) Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu, trọng tâm là các công trình thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường. Các công trình thủy lợi, đê kè, hồ đập, hồ chứa thủy lợi, các khu vực sạt lở... thường xuyên chịu ảnh hưởng lũ lụt, xung yếu, bị hư hại, có rủi ro, nguy cơ mất an toàn; tiêu, thoát nước cho vùng công nghiệp và đô thị. Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng thủy sản; hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, hạ tầng giống nông lâm nghiệp, các công trình cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực nông thôn, đảm bảo người dân tại nông thôn được cấp đầy đủ nước sạch.

2.1.5. Tạo đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực chips, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; nâng mặt bằng kỹ năng của toàn xã hội

a) Phát triển nguồn nhân lực của Bộ, ngành NN&MT, ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Tiếp tục triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

b) Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết đào tạo nghề với thị trường lao động. Thực hiện kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp; xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

c) Tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tập trung phát triển hạ tầng số, nền tảng số và hệ thống dữ liệu ngành NN&MT

theo hướng tập trung, thống nhất, an toàn; thúc đẩy kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các lĩnh vực và với Trung tâm dữ liệu quốc gia; đẩy mạnh quản lý, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển nông nghiệp, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

d) Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia gắn với bảo đảm an ninh, an toàn mạng. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; tập trung số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước và triển khai hiệu quả Đề án “06”. Phát triển hạ tầng số quốc gia, nhất là xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành “*đúng, đủ, sạch, sống*”. Xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu trên các lĩnh vực, đưa dữ liệu thành tài nguyên. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng dữ liệu lớn của ngành NN&MT, trong đó hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (*dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính quy hoạch, mục đích, chủ sử dụng, pháp lý của từng thửa đất, giá đất,...*), thiết lập hệ thống dữ liệu về thị trường nông sản, dữ liệu về các nguồn thải, dữ liệu về tài nguyên nước; tạo chuyển biến trong quản lý phòng chống thiên tai và hỗ trợ các địa phương vận hành hiệu quả mô hình chính quyền 2 cấp.

2.1.6. Chú trọng phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội

a) Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.

b) Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách giảm nghèo, tránh chồng chéo, trùng lặp, gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tín dụng chính sách xã hội cho người nghèo, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo.

2.1.7. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường

a) Tập trung thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị; sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính.

b) Quyết liệt triển khai các nhiệm vụ thực hiện sáng kiến, cam kết của Việt Nam tại COP26 và COP28. Đề xuất phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tổ chức vận hành thí điểm thị trường các-bon đối với một số lĩnh vực cụ thể. Xử lý căn cơ ô nhiễm môi trường, nhất là tại các đô thị lớn; xây dựng Đề án xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; rà soát, điều chỉnh phù hợp lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đang lưu hành; quyết liệt xử lý ô nhiễm dòng sông, bờ sông gắn với xây dựng và quản lý đô thị xanh, sạch, đẹp, hiện đại, văn minh. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Triển khai hiệu quả các giải pháp phòng chống ngập lụt cho các thành phố lớn, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các địa điểm là di sản văn hóa thế giới; các chương trình thích ứng biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long và phòng, chống lũ lụt, sạt lở, khô hạn tại miền Trung, Tây Nguyên và miền Bắc.

c) Có giải pháp huy động hiệu quả nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản, nhất là khoáng sản chiến lược; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại các địa phương và tích hợp lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; hoàn thiện hệ thống bản đồ số địa chính trên toàn quốc (100% xã có bản đồ địa chính); xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin đất đai trực tuyến; nghiên cứu giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia, nâng cao năng lực điều tra, quan trắc đa dạng sinh học. Phát triển công nghiệp môi trường, dịch vụ bảo vệ môi trường và tái chế chất thải. Xây dựng Chiến lược quốc gia về đất hiếm; quản lý khai thác và sử dụng hiệu quả đất hiếm phục vụ phát triển các ngành công nghiệp mới gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

d) Thực hiện hiệu quả các chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng trên biển theo quy mô công nghiệp; giảm dần sản lượng khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ, quyết liệt gỡ “thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu. Tiếp tục đầu tư hình thành các Trung tâm nghề cá lớn.

đ) Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập, khai thác hiệu quả nguồn nước; ngăn chặn và phục hồi suy giảm, ô nhiễm tài nguyên nước. Theo dõi, giám sát vận hành các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ, đảm bảo 100% hồ chứa được kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu hằng ngày. Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ, sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới, nhất là sông Mê Công và sông Hồng.

e) Tiếp tục hiện đại hóa mạng lưới khí tượng thủy văn, nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

g) Bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có, duy trì độ che phủ rừng ở mức trên 42%; phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

h) Nâng cấp, nhân rộng, phát triển các chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản an toàn, bền vững; tiếp tục thực hiện các chương trình giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản; chủ động xử lý hiệu quả các sự cố mất an toàn thực phẩm.

2.1.8. Chủ động hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận

Tiếp tục đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền; chủ động lan tỏa các điển hình tiên tiến, cách làm sáng tạo, gương người tốt, việc tốt. Thực hiện tốt công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; triệt phá, gỡ bỏ, ngăn chặn thông tin xấu, độc, sai sự thật; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, dân chủ ở cơ sở, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026

2.2.1. Triển khai một cách sâu sắc, toàn diện, quyết liệt những trụ cột thể chế nền tảng: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

2.2.2. Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả các chỉ đạo về sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp: Chủ động khắc phục hạn chế, vướng mắc trong vận hành chính quyền cấp xã. Rà soát cắt giảm thủ tục hành chính để khơi thông nguồn lực, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và hỗ trợ vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

2.2.3. Tăng cường trách nhiệm, tính chủ động, kịp thời của các cơ quan, đơn vị được phân công làm đầu mối theo dõi việc cải thiện các bộ chỉ số quốc tế: Cụ thể tại Phụ lục số 06 của Chương trình hành động này.

2.2.4. Thực hiện đầy đủ, nhất quán và hiệu quả các nhóm nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu về cải thiện môi trường kinh doanh,

nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026: Chú trọng thực hiện các nhóm giải pháp trọng tâm sau đây:

a) Đẩy mạnh hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật để xây dựng giải pháp đột phá về thể chế, cơ chế chính sách; tháo gỡ dứt điểm các bất cập, điểm nghẽn về pháp lý. Đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền kinh tế.

b) Tiếp tục rà soát và nâng cao chất lượng danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện. Cắt giảm và chuẩn hóa các điều kiện kinh doanh đảm bảo tính hợp lý, minh bạch theo hướng chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và thực hiện hậu kiểm.

c) Cải cách quy định thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; tập trung nguồn lực đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để tháo gỡ các rào cản, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 và Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị. Đổi mới toàn diện việc thực hiện thủ tục hành chính chuyển từ “bị động” sang “chủ động phục vụ”, không phụ thuộc vào địa giới hành chính và hoàn toàn dựa trên dữ liệu; tăng cường chỉ đạo điều hành, giám sát đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân.

d) Ưu tiên khơi thông nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp tiếp cận vốn, đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh và nguồn nhân lực chất lượng cao.

đ) Hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân phát triển bền vững, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, tập trung thu hút và làm chủ công nghệ cao, tiên tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả, bền vững.

e) Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh. Xây dựng một hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ đầy đủ, chuyên nghiệp, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của hoạt động kinh doanh.

g) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra (bao gồm cả kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa), giảm gánh nặng cho doanh nghiệp.

3. Danh mục các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu triển khai năm 2026

- Phụ lục số 01: Chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

- Phụ lục số 02: Chỉ tiêu tăng trưởng theo lĩnh vực năm 2026.

- Phụ lục số 03: Kế hoạch sản lượng các sản phẩm nông lâm thủy sản chủ yếu năm 2026.

- Phụ lục số 04: Kế hoạch xuất khẩu một số sản phẩm nông lâm thủy sản chính năm 2026.

- Phụ lục số 05: Danh mục các nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, lĩnh vực năm 2026.

- Phụ lục số 06: Đầu mối theo dõi các bộ chỉ số quốc tế và trong nước.

- Phụ lục số 07: Chỉ tiêu nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công.

- Phụ lục số 08: Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Lãnh đạo Bộ theo lĩnh vực công tác, địa bàn được phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình hành động này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

2.1. Nghiêm túc thực hiện nhanh, hiệu quả, thiết thực và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Kết luận số 199-KL/TW ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Trung ương; Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, các Nghị quyết khác của Đảng, Quốc hội và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại các Nghị quyết số 01/NQ-CP và số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh; chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện.

2.2. Xây dựng Kế hoạch của đơn vị nhằm cụ thể hoá, cập nhật thường xuyên các nhiệm vụ phát sinh và có kế hoạch triển khai hiệu quả từng nhiệm vụ trong Chương trình hành động này, trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cán bộ đầu mối, ban hành trước ngày 30 tháng 01 năm 2026 và gửi về Bộ qua Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để theo dõi đôn đốc.

2.3. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về chất lượng và tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động này; phân công đơn vị/cán bộ làm đầu mối theo dõi, thực hiện; chủ động xử lý, phối hợp xử lý theo thẩm quyền, hoặc đề xuất Bộ xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

2.4. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại các Phụ lục, gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính **trước ngày 15 tháng cuối quý** để tổng hợp, trình Bộ trưởng báo cáo Chính phủ và phục vụ Bộ trưởng tham dự các phiên họp Chính phủ.

2.5. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và chuẩn bị nội dung đề xuất xây dựng Nghị quyết của Chính phủ cho năm 2027, gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế

hoạch - Tài chính **trước ngày 10 tháng 11 năm 2026** để tổng hợp, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 11 năm 2026; trình Bộ trưởng báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ tháng 12 năm 2026.

2.6. Viện Chính sách, Chiến lược NN&MT làm đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi và đánh giá tình hình về cải thiện chỉ số IPRI, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi có công bố chính thức của các tổ chức quốc tế, gửi báo cáo về Văn phòng Bộ để trình Lãnh đạo Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả xếp hạng của Việt Nam và đề xuất giải pháp cải thiện chỉ số.

3. Giám đốc Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

3.1. Trên cơ sở kế hoạch, chương trình hành động của địa phương và Chương trình hành động này, xây dựng Chương trình công tác năm 2026; trong đó lựa chọn một số nội dung, chủ đề, mô hình để đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí ngân sách địa phương thực hiện và báo cáo về Bộ NN&MT.

3.2. Tăng cường công tác truyền thông, trao đổi, học tập kinh nghiệm của các địa phương để phát huy, nhân rộng các mô hình tốt về quản lý NN&MT; chủ động tham mưu với cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp về các giải pháp đột phá trong công tác nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.3. Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng quý trước ngày 15 của tháng cuối quý, trong đó lưu ý kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và các mô hình điểm, gửi Bộ NN&MT để tổng hợp. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ và của Bộ gửi Bộ NN&MT trước ngày 10 tháng 11 năm 2026 để tổng hợp.

4. Văn phòng Bộ, Báo NN&MT và các đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách từ Trung ương tới địa phương; thông tin, truyền truyền nâng cao hiệu quả và sự đồng thuận của người dân, chú trọng và tập trung công tác truyền thông chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước; tổ chức phổ biến, tuyên truyền về nội dung và kết quả thực hiện Chương trình hành động này.

5. Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ định kỳ 6 tháng/lần tổ chức Hội nghị của Bộ trưởng với Giám đốc các Sở NN&MT theo từng nội dung chuyên đề; tiếp tục hoàn thiện phần mềm tra cứu nhanh văn bản quy phạm pháp luật về NN&MT đáp ứng nhu cầu tra cứu của các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp và người dân.

6. Chế độ báo cáo:

6.1. Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp định kỳ hằng tháng/quý hoặc theo yêu cầu đột xuất kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của

Chương trình hành động này, báo cáo Bộ trưởng, Bộ Tài chính và các cơ quan chức năng theo quy định.

6.2. Văn phòng Bộ tổng hợp định kỳ 6 tháng, cả năm hoặc theo yêu cầu đột xuất kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 của Chương trình hành động này, báo cáo Bộ trưởng, Bộ Tài chính và các cơ quan chức năng theo quy định./.

Phụ lục số 01
CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT		Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026 Quốc hội giao	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Ghi chú
	Theo NQ 01						
1	9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	Điểm %	Khoảng 1-1,5	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	
2	13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2026-2030)	%	Tối thiểu 15	Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	
3	14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	95	Cục Môi trường	Thứ trưởng Lê Công Thành	
4	49	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn	%	62	Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	
5	60	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số	Điểm %	3	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	
6	61	Hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến	%	100	Cục Quản lý tài nguyên nước	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	
7	62	Hồ chứa thủy điện, thủy lợi được xác định và công bố dòng chảy tối thiểu sau đập	Công trình	Khoảng 700	Cục Quản lý tài nguyên nước	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	

Phụ lục số 02
CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG THEO NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Chỉ tiêu	Tốc độ tăng trưởng Giá trị gia tăng năm 2026 (%)							Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, đánh giá
	Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm		
Toàn ngành NLTS (VA)	3,6	3,8	3,7	3,8	3,7	3,7	3,7 Phần đầu đạt 4,0	Bộ trưởng Trần Đức Thắng	Vụ Kế hoạch - Tài chính
<i>Trong đó:</i>									
1. Nông nghiệp (VA)	3,6	3,81	3,7	3,98	3,82	3,71	3,86	Thứ trưởng Phùng Đức Tiến; Thứ trưởng Hoàng Trung	Cục Trồng trọt và BVTV; Cục Chăn nuôi và Thú y
<i>Trong đó:</i>									
- Trồng trọt (GTSX)	2,45	2,69	2,63	2,74	2,66	2,75	2,5-2,75	Thứ trưởng Hoàng Trung	Cục Trồng trọt và BVTV
- Chăn nuôi (GTSX)	4,89	5,01	5,11	5,26	5,48	5,56	5,2-5,5	Thứ trưởng Phùng Đức Tiến	Cục Chăn nuôi và Thú y
2. Lâm nghiệp (VA)	5,19	5,36	5,4	5,3	5,36	5,67	5,51	Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm
3. Thủy sản (VA)	3,91	3,79	4,18	3,96	4,7	4,2	4,42	Thứ trưởng Phùng Đức Tiến	Cục Thủy sản và Kiểm ngư

Phụ lục số 03**KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG CÁC SẢN PHẨM
NÔNG LÂM THỦY SẢN CHỦ YẾU NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 01 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	So sánh KH 2026/TH 2025
1	Trồng trọt				
a)	Cây hàng năm				
	- Lúa cả năm	Nghìn tấn	47.950,0	48.050,3	100,2%
	- Ngô	Nghìn tấn	4.410,0	4.394,0	99,6%
	- Sắn	Nghìn tấn	10.238,9	11.024,0	107,7%
	- Mía	Nghìn tấn	13.487,8	11.550,0	85,6%
	- Rau	Nghìn tấn	19.615,3	20.092,8	102,4%
b)	Sản lượng một số cây CN lâu năm				
	- Cà phê nhân	Nghìn tấn	2.116,4	2.150,0	101,6%
	- Chè	Nghìn tấn	1.166,6	1.105,5	94,8%
	- Cao su	Nghìn tấn	1.467,8	1.350,5	92,0%
	- Hồ tiêu	Nghìn tấn	278,7	294,8	105,8%
	- Điều	Nghìn tấn	310,7	348,0	112,0%
c)	Cây ăn quả				
	- Xoài	Nghìn tấn	1.185,5	1.100,0	92,8%
	- Chuối	Nghìn tấn	3.211,8	2.780,0	86,6%
	- Thanh Long	Nghìn tấn	1.215,5	1.280,0	105,3%
	- Cam	Nghìn tấn	2.089,0	2.000,0	95,7%
	- Bưởi	Nghìn tấn	1.200,0	1.200,0	100,0%
	- Dứa	Nghìn tấn	850,0	880,0	103,5%
	- Nhãn	Nghìn tấn	680,0	680,0	100,0%
	- Vải	Nghìn tấn	345,0	350,0	101,4%
	- Sầu riêng	Nghìn tấn	1.807,0	2.072,0	114,7%
2	Chăn nuôi				
	Thịt hơi các loại		8.658,2	9.229,0	106,6%
	Trong đó: Thịt lợn	Nghìn tấn	5.389,2	5.795,0	107,5%
	Thịt gia cầm	Nghìn tấn	2.601,9	2.735,0	105,1%
3	Lâm nghiệp				

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	So sánh KH 2026/TH 2025
	- Diện tích rừng trồng mới tập trung	Nghìn ha	324,0	260,0	80,2%
	- Tổng số gỗ khai thác	Nghìn m3	25.310,0	25.000,0	98,8%
4	Thủy sản				
	- Sản lượng thủy sản	Nghìn tấn	9.947,5	10.004,0	100,6%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Sản lượng nuôi trồng	Nghìn tấn	6.116,8	6.116,8	100,0%
	+ Cá tra	Nghìn tấn	1.984,9	2.000,0	100,8%
	+ Tôm sú	Nghìn tấn	296,7	300,0	101,1%
	+ Tôm thẻ chân trắng	Nghìn tấn	994,4	1.000,0	100,6%
	- Sản lượng khai thác	Nghìn tấn	3.830,7	3.750,0	97,9%
	+ Khai thác biển	Nghìn tấn	3.638,6	3.550,0	97,6%

Phụ lục số 04**KẾ HOẠCH XUẤT KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN CHÍNH NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Đơn vị tính: Triệu USD

STT	Mặt hàng	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	So sánh 2026/2025	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo		Đơn vị thực hiện		
					Chủ trì	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp	
TỔNG KIM NGẠCH		70.085	74.212	105,9%					
1	Cà phê	8.570	9.641	1112,5%	Thứ trưởng Trần Thanh Nam	Thứ trưởng Hoàng Trung	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	
2	Cao su	3.428	3.156	92,1%					
3	Chè	233,9	239	102,2%					
4	Gạo	4.017	3.952	98,4%					
5	Rau quả	8.559	9.814	1014,7%					
6	Hạt điều	5.194	5.420	104,4%					
7	Hạt tiêu	1.642	1.880	1014,5%					
8	Sắn và sản phẩm từ sắn	1.258	1.349	117,2%					
9	Chăn nuôi	627,8	686	109,3%		Thứ trưởng Phùng Đức Tiến		Cục Chăn nuôi và Thú y	
10	Thủy sản	11.317	12.034	106,3%				Cục Thủy sản và Kiểm ngư	
11	Lâm sản chính	18.503	18.300	98,9%		Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị		Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
12	Sản phẩm khác	6.7355	7.529	111,8%		Thứ trưởng Hoàng Trung		Cục Chuyển đổi số	

Phụ lục số 05

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT		Nhiệm vụ	Cấp trình		Thời gian hoàn thành	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
	Theo NQ 01		CP	TTgCP			Chủ trì	Phối hợp	
1	100	Luật Đất đai (sửa đổi)	x		Tháng 10/2026	Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa	Cục Quản lý đất đai	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
2	101	Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (thay thế)	x		Tháng 10/2026	Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
3	102	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035		x	Tháng 12/2026	Thứ trưởng Lê Công Thành	Cục Môi trường	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
4	103	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật năm 2026)		x	Tháng 6/2026	Thứ trưởng Lê Công Thành	Cục Biến đổi khí hậu	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
5	104	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi		x	Tháng 11/2026	Thứ trưởng Lê Công Thành	Cục Biến đổi khí hậu	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	

STT		Nhiệm vụ	Cấp trình		Thời gian hoàn thành	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
	Theo NQ 01		CP	TTgCP			Chủ trì	Phối hợp	
		khí hậu cấp quốc gia (cấp nhật)							
6	105	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối	x		Tháng 6/2026	Thứ trưởng Võ Văn Hưng	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
7	106	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn	x		Tháng 7/2026	Thứ trưởng Võ Văn Hưng	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
8	107	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	x		Tháng 11/2026	Thứ trưởng Võ Văn Hưng	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
9	108	Quyết định quy định tiêu chí xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình phù hợp với		x	Tháng 11/2026	Thứ trưởng Võ Văn Hưng	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	

STT		Nhiệm vụ	Cấp trình		Thời gian hoàn thành	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
	Theo NQ 01		CP	TTgCP			Chủ trì	Phối hợp	
		tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030							
10	109	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 1325/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển ngành muối giai đoạn 2021 - 2030.		x	Tháng 9/2026	Thứ trưởng Võ Văn Hưng	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
11	110	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xã nghèo giai đoạn 2026-2035		x	Tháng 3/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
12	111	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã nghèo giai đoạn 2026-2035		x	Tháng 6/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
13	112	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc		x	Tháng 2/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	

STT		Nhiệm vụ	Cấp trình		Thời gian hoàn thành	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
	Theo NQ 01		CP	TTgCP			Chủ trì	Phối hợp	
		gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 (Chương trình)							
14	113	Điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	Tháng 9/2026	Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Các đơn vị có liên quan	
15	114	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Ba thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	Tháng 9/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị có liên quan	
16	115	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Vu Gia Thu - Bồn thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	Tháng 10/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị có liên quan	
17	116	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	Tháng 9/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Các đơn vị có liên quan	
18	117	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Kôn - Hà Thanh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	Tháng 10/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước	Các đơn vị có liên quan	

STT		Nhiệm vụ	Cấp trình		Thời gian hoàn thành	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
	Theo NQ 01		CP	TTgCP			Chủ trì	Phối hợp	
							quốc gia		
19	118	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Trà Khúc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	Tháng 11/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Các đơn vị có liên quan	
20	119	Chiến lược tài nguyên nước quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050		x	Tháng 12/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị có liên quan	
21	120	Đề án thí điểm phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm các sông Bắc Hưng Hải, Nhuệ - Đáy, Ngũ Huyện Khê		x	Tháng 6/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị có liên quan	
22	121	Danh mục lưu vực sông liên quốc gia; danh mục lưu vực sông liên tỉnh		x	Tháng 4/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị có liên quan	
23	122	Luật sửa đổi một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	x		Tháng 5/2026	Thứ trưởng Lê Công Thành	Cục Môi trường	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
24	123	Điều tra, phân loại và lập danh mục các nguồn nước mặt sông liên tỉnh bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt trên phạm vi toàn quốc		x	Tháng 11/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Các đơn vị có liên quan	

STT		Nhiệm vụ	Cấp trình		Thời gian hoàn thành	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
	Theo NQ 01		CP	TTgCP			Chủ trì	Phối hợp	
25	124	Đề án “Phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực nông nghiệp”		x	Tháng 3/2026	Thứ trưởng Phùng Đức Tiến	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	
26	125	Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Bắc Trung Bộ phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội (địa bàn các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế)		x	Tháng 02/2026	Thứ trưởng Lê Công Thành	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Các đơn vị có liên quan	
27	126	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	x		Tháng 9/2026	Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa	Cục Quản lý đất đai	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
28	127	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	x		Tháng 3/2026	Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa	Cục Quản lý đất đai	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
29	128	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-		x	Tháng 3/2026	Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa	Cục Quản lý đất đai	Các đơn vị có liên quan	

STT		Nhiệm vụ	Cấp trình		Thời gian hoàn thành	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
	Theo NQ 01		CP	TTgCP			Chủ trì	Phối hợp	
		2030, tầm nhìn đến năm 2050							
30		Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản	x		Tháng 02/2026	Thứ trưởng Lê Công Thành	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
31		Nghị định thay thế Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	x		Tháng 3/2026	Thứ trưởng Lê Công Thành	Cục Khí tượng Thủy văn	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
32		Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11/02/2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ	x		Tháng 3/2026	Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa	Cục Đo đạc bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
33		Nghị định thay thế Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/03/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi	x		Tháng 3/2026	Thứ trưởng Phùng Đức Tiến	Cục Chăn nuôi và Thú y	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
34		Nghị định thay thế Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y	x		Tháng 3/2026	Thứ trưởng Phùng Đức Tiến	Cục Chăn nuôi và Thú y	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	

STT		Nhiệm vụ	Cấp trình		Thời gian hoàn thành	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
	Theo NQ 01		CP	TTgCP			Chủ trì	Phối hợp	
35		Nghị định thay thế Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	x		Tháng 3/2026	Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
36		Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều	x		Tháng 3/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
37		Nghị định thay thế Nghị định số 31/2023/NĐ-CP ngày 09/6/2023 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trồng trọt	x		Tháng 3/2026	Thứ trưởng Hoàng Trung	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
38		Nghị định thay thế Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số	x		Tháng 3/2026	Thứ trưởng Hoàng Trung	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	

STT		Nhiệm vụ	Cấp trình		Thời gian hoàn thành	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
	Theo NQ 01		CP	TTgCP			Chủ trì	Phối hợp	
		04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 và Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ							
39		Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông	x		Tháng 3/2026	Thứ trưởng Trần Thanh Nam	Trung tâm Khuyến nông quốc gia	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
40		Nghị định quy định về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	x		Tháng 4/2026	Thứ trưởng Phùng Đức Tiến	Vụ Khoa học và Công nghệ	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
41		Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước	x		Tháng 8/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
42		Nghị định về hoạt động viễn thám	x		Tháng 8/2026	Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa	Cục Viễn thám quốc gia	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	

STT		Nhiệm vụ	Cấp trình		Thời gian hoàn thành	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
	Theo NQ 01		CP	TTgCP			Chủ trì	Phối hợp	
43		Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm mỗi xã một sản phẩm (OCOP)		x	Tháng 4/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
44		Quyết định quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại hiện đại; tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030		x	Tháng 4/2026	Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương	- Vụ Pháp chế - Các đơn vị có liên quan	
45		Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Cúm gia cầm, Dịch tả lợn Châu Phi, Lở mồm long móng giai đoạn 2026 - 2030		x	Tháng 6/2026	Thứ trưởng Phùng Đức Tiến	Cục Chăn nuôi và Thú y	Các đơn vị có liên quan	

Phụ lục số 06

ĐẦU MỐI THEO DÕI CÁC BỘ CHỈ SỐ QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT		Bộ chỉ số xếp hạng quốc tế	Mục tiêu phần đầu đến năm 2026	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Cơ quan/đơn vị đầu mối theo dõi		Thời gian
	Theo NQ 02				Chủ trì	Phối hợp	
I	I	Bộ chỉ số xếp hạng quốc tế					
1	5	Quyền tài sản (IPRI) của Liên minh quyền tài sản (PRA)	Tăng ít nhất 3 bậc	Thứ trưởng Trần Thanh Nam	Viện Chiến lược, Chính sách TN&MT	- Các Vụ: Pháp chế, Tổ chức cán bộ; Văn phòng bộ. - Các Cục: Chuyển đổi số; Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên nước; Môi trường; Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Biển và Hải đảo Việt Nam. - Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	Theo thời gian công bố của các tổ chức quốc tế

Phụ lục số 07**CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP
TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ CÔNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT		Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	
	Theo NQ 02					Chủ trì	Phối hợp
1	1	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.	%	100	Thứ trưởng Võ Văn Hung	Văn phòng Bộ	Các Cục trực thuộc Bộ
2	2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	%	Tối thiểu 80	Thứ trưởng Võ Văn Hung	Cục Chuyển đổi số	- Các Cục trực thuộc Bộ - Văn phòng Bộ - Các đơn vị liên quan
3	3	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn.	%	100	Thứ trưởng Võ Văn Hung	Văn phòng Bộ	- Các Cục trực thuộc Bộ - Các đơn vị liên quan
4	4	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp.	%	Tối thiểu 90	Thứ trưởng Võ Văn Hung	Văn phòng Bộ	- Các Cục trực thuộc Bộ - Các đơn vị liên quan

Phụ lục số 08

**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH,
NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT		Nhiệm vụ	Cơ quan Chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	Theo NQ 02				
I	I	Đẩy mạnh hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật để xây dựng giải pháp đột phá về thể chế, cơ chế chính sách; tháo gỡ dứt điểm các bất cập, điểm nghẽn về pháp lý. Đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền kinh tế.			
1	1	Trong phạm vi thẩm quyền, chủ động và khẩn trương tháo gỡ triệt để các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý, khác nhau của các quy định pháp luật. Đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền thì tập hợp vấn đề kèm theo các giải pháp tương ứng (nếu có) để kiến nghị tới các cơ quan có thẩm quyền.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	2	Thực hiện cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật. Đẩy mạnh thực hiện kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên

STT		Nhiệm vụ	Cơ quan Chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	Theo NQ 02				
		chuyên ngành và hệ thống thông tin liên quan khác để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trong quá trình tra cứu, khai thác các thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh.			
II	II	Tiếp tục rà soát và nâng cao chất lượng danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện. Cắt giảm và chuẩn hóa các điều kiện kinh doanh đảm bảo tính hợp lý, minh bạch theo hướng chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm.			
1	1	Chủ động rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh theo hướng: (i) Bãi bỏ điều kiện kinh doanh không hợp pháp, chồng chéo, không cần thiết, không khả thi, quy định chung chung, không cụ thể, khó xác định, khó dự đoán, và không dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng; (ii) Đối với các điều kiện kinh doanh (thuộc danh mục phải cấp phép, chứng nhận trước) chưa phù hợp với thực tiễn thì kiến nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi theo hướng đơn giản hoá, tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ; rà soát các loại chứng chỉ và kiến nghị bãi bỏ chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các loại chứng chỉ, giấy phép, chứng nhận có sự trùng lặp về nội dung để tránh lãng phí chi phí của xã hội; (iii) Đối với các điều kiện kinh doanh (quản lý theo phương thức hậu kiểm) phải đảm bảo khi tiến hành kiểm tra, không can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	2	Chủ động nghiên cứu, rà soát ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý; kiến nghị đưa ra khỏi danh	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị liên	Thường xuyên

STT		Nhiệm vụ	Cơ quan Chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	Theo NQ 02				
		mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng các biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn. Trường hợp cần thiết đề xuất bổ sung ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì phải có báo cáo đánh giá tác động toàn diện.		quan	
3	3	Cắt giảm, đơn giản hoá 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị liên quan	2026
4	4	Thường xuyên rà soát, cập nhật ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; gửi Bộ Tài chính để đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
III	III	Cải cách quy định thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.			
1	1	Tổ chức thực hiện cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	2	Rà soát, sửa đổi các quy định không phù hợp với việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Cục Chuyển đổi	Thường xuyên

STT		Nhiệm vụ	Cơ quan Chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	Theo NQ 02				
		chính và triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; rà soát, chuẩn hóa các kết quả giải quyết thủ tục hành chính; gắn mã số kết quả giải quyết đã chuẩn hóa với thành phần hồ sơ của các thủ tục hành chính làm cơ sở kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu, phục vụ cắt giảm hồ sơ, giấy tờ, bảo đảm chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước.		số; - Văn phòng Bộ - Các đơn vị liên quan	
3	3	Hoàn thành mục tiêu 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, giảm tối đa giấy tờ và 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị liên quan	2026
4	4	Tập trung xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, phân cấp giải quyết thủ tục hành chính, cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo hướng một văn bản sửa nhiều văn bản.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
5	5	Tăng cường kiểm soát quy định thủ tục hành chính ngay trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chú trọng việc tham vấn đối tượng chịu tác động; bảo đảm chỉ ban hành các quy định đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý, thực hiện trên môi trường điện tử và chi phí tuân thủ thấp nhất.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên

STT		Nhiệm vụ	Cơ quan Chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	Theo NQ 02				
6	7	Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tập trung nguồn lực đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.	Văn phòng Bộ	- Các Cục quản lý chuyên ngành; - Các đơn vị liên quan	2026
7	8	Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và ưu tiên xây dựng, tích hợp, cung cấp các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ở mức độ toàn trình.	Các đơn vị trực thuộc Bộ	- Văn phòng Bộ; - Vụ Tổ chức cán bộ	Thường xuyên
8	9	Chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý về tinh thần, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp; phê bình, xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; ngăn chặn, đẩy lùi, chấm dứt ngay tình trạng doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức trong thực hiện thủ tục hành chính.	Các đơn vị trực thuộc Bộ	- Văn phòng Bộ; - Vụ Tổ chức cán bộ	Thường xuyên
9	10	Tăng cường tuyên truyền để nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, cũng như trách nhiệm của cơ quan nhà nước chuyển từ nền hành chính công vụ, quản lý là chủ yếu sang phục vụ và kiến tạo phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ động, tận tụy giải quyết vướng mắc cho doanh nghiệp. Tuyên truyền để các doanh nghiệp không thao túng, trục lợi chính sách, lợi dụng, làm tha hóa cán bộ, công chức, đồng thời kiên quyết từ chối trả chi phí không chính thức trong quá trình thực hiện thủ tục	- Báo Nông nghiệp và Môi trường - Trung tâm Khuyến nông quốc gia	- Văn phòng Bộ; - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên

STT		Nhiệm vụ	Cơ quan Chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	Theo NQ 02				
		hành chính và các hoạt động khác; phản ánh trung thực, kịp thời đến đường dây nóng của các bộ, ngành, địa phương trong trường hợp bị gây khó khăn.			
10	11	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác giải quyết thủ tục hành chính, nhất là ở cấp cơ sở; nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ từ trung ương tới địa phương phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số hiện nay, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.	Cục Chuyển đổi số	- Văn phòng Bộ; - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
IV	IV	Ưu tiên khơi thông nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp tiếp cận vốn, đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh và nguồn nhân lực chất lượng cao			
1	1	Tiếp tục rà soát, chuẩn hoá Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; ban hành các quy định về quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.	Cục Quản lý đất đai	- Các địa phương; - Bộ Công an; - Cục Chuyển đổi số.	2026
2	3	Triệt để ứng dụng chuyển đổi số để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, giảm thời gian giải quyết thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp.	Cục Quản lý đất đai	- Các bộ, ngành, địa phương liên quan; - Cục Chuyển đổi số.	Thường xuyên
V	V	Hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân trong nước và kinh tế nhà nước phát triển bền vững, thúc đẩy đổi mới sáng			

STT		Nhiệm vụ	Cơ quan Chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	Theo NQ 02				
		tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, tập trung thu hút và làm chủ công nghệ cao, tiên tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả, bền vững			
1	1	Nghiên cứu, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản để phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Trong đó, chú trọng hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm: (i) Thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn, tạo cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao công nghệ; và (ii) Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các quốc gia tiên tiến, nhất là trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, bán dẫn và năng lượng tái tạo.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Vụ Khoa học và Công nghệ; - Cục Chuyển đổi số; - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	2	Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Vụ Khoa học và Công nghệ; - Cục Chuyển đổi số; - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
3	5	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nguồn nhân lực số và nhân lực công nghệ cao, có khả năng làm chủ công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và định hướng phát triển kinh tế số,	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Vụ Khoa học và Công nghệ; - Cục Chuyển đổi	Thường xuyên

STT		Nhiệm vụ	Cơ quan Chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	Theo NQ 02				
		kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.		số; - Các đơn vị liên quan	
VI	VI	Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh. Xây dựng một hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ đầy đủ, chuyên nghiệp, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của hoạt động kinh doanh.			
1	2	Nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; chú trọng giải pháp tư vấn, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp với các nội dung tái cấu trúc doanh nghiệp, tài chính, nhân sự, thị trường, quản trị rủi ro, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tham gia chuỗi giá trị bền vững, thủ tục hành chính,...	Các Cục quản lý chuyên ngành	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	3	Đa dạng hóa và phát triển hiệu quả hệ thống dịch vụ phát triển kinh doanh, vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở kỹ thuật dùng chung, hỗ trợ doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
3	8	Thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuyển đổi số, mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực,... tương ứng với các nhiệm vụ được giao trong các văn bản pháp luật có liên quan.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
4	9	Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và áp dụng các mô hình chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Vụ Pháp chế; - Các đơn vị liên	Thường xuyên

STT		Nhiệm vụ	Cơ quan Chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	Theo NQ 02				
				quan	
5	10	Nâng cao chất lượng các kênh phản ánh thông tin từ người dân, doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc.	Văn phòng Bộ	Các Cục quản lý chuyên ngành	Thường xuyên
VII	VII	Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra (bao gồm cả kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa), giảm gánh nặng cho doanh nghiệp			
1	1	Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra theo hướng chấm dứt tình trạng kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện kiểm tra mỗi năm 1 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm; xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật	Các Cục quản lý chuyên ngành	Các đơn vị liên quan	2026
3	2	Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra, kiểm toán. Triển khai kiểm tra trực tuyến, ưu tiên kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm kiểm tra trực tiếp.	Các Cục quản lý chuyên ngành	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
5	3	Tiếp tục rà soát, cắt giảm danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để tạo điều kiện thuận lợi thương mại.	Các Cục quản lý chuyên ngành	- Thanh tra Chính phủ; - Các Bộ: Công Thương, Y tế và các bộ ngành liên quan.	Thường xuyên